Ký bởi: CỤC CHUYỂN ĐỔI SỐ
Email: cuccds@mae.gov.vn
Cơ quan: BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Ngày ký: 2026-08-22 16:38:48 +07:00

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3254/QĐ-BNNMT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Cục trưởng Cục Chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1173/QĐ-BNNMT ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an; KH và CN; Tài chính;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KHTC, CĐS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Đặng Ngọc Điệp

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

- Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

- Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

- Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

- Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt nhằm tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1236/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi;

- Quyết định số 1751/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia;

- Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị và quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh

và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

- Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0);

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Quyết định số 4742/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chiến lược chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 4731/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chiến lược dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 5445/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Khung Kiến trúc số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Quyết định số 792/QĐ-BNNMT ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW);

- Chương trình hành động số 09-CTr/ĐU ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Chính phủ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Chương trình hành động số 10-CTr/ĐU ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Văn bản số 5799/BKHCN-CĐSQG ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc triển khai Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

II. QUAN ĐIỂM

1. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm trong triển khai chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường; mọi hoạt động chuyển đổi số phải hướng tới nâng cao chất lượng phục vụ, giảm thủ tục, chi phí tuân thủ, tăng tính minh bạch, khả năng tiếp cận và trải nghiệm người dùng, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau.

2. Chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ, thực chất, gắn chặt với đổi mới phương thức quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; lấy dữ liệu làm nền tảng, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo là công cụ, quản trị và ra quyết định dựa trên dữ liệu, kết quả và hiệu quả; kế thừa, phát huy tối đa các hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu đã đầu tư, tránh trùng lặp, lãng phí.

3. Phát triển dữ liệu số là trọng tâm, xuyên suốt, coi dữ liệu nông nghiệp và môi trường là tài nguyên chiến lược; ưu tiên chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở phục vụ chỉ đạo, điều hành, dự báo, hoạch định chính sách và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".

4. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số theo hướng tập trung, thống nhất, dùng chung, bảo đảm kết nối, liên thông với các nền tảng số quốc gia; đẩy mạnh thuê dịch vụ công nghệ thông tin, ưu tiên sử dụng hạ tầng, nền tảng dùng chung của Chính phủ, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, hiệu quả và bền vững.

5. Thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo, công nghệ số mới trong quản lý, giám sát, phân tích, dự báo và cung cấp dịch vụ công của ngành nông nghiệp và môi trường; ưu tiên các bài toán có tác động lớn, lan tỏa cao, phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ và yêu cầu phát triển bền vững.

6. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu là yêu cầu bắt buộc, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình chuyển đổi số; việc thu thập, khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền riêng tư, nâng cao trách nhiệm giải trình, tạo dựng niềm tin số trong xã hội.

7. Kết hợp chặt chẽ nội lực và ngoại lực, tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hợp tác công tư, khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số tham gia phát triển các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ số của ngành nông nghiệp và môi trường theo quy định, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bền vững.

8. Chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và môi trường gắn với tự chủ, tự cường về công nghệ, bảo đảm chủ quyền số, chủ quyền dữ liệu; ưu tiên sử dụng sản phẩm, nền tảng, dịch vụ công nghệ số Việt Nam đáp ứng yêu cầu; tăng cường năng lực nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và làm chủ công nghệ số phục vụ các bài toán trọng tâm của ngành.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, hoàn thành nền tảng số dùng chung thống nhất của ngành nông nghiệp và môi trường; cơ bản hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ, bảo đảm kết nối, chia sẻ đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành, địa phương.

Các hoạt động quản lý nhà nước của Bộ được triển khai trên môi trường số tập trung, thống nhất, hỗ trợ chỉ đạo, điều hành kịp thời, chính xác; nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Từng bước hình thành mô hình quản trị số dựa trên dữ liệu; ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn trong hoạch định chính sách, phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh, bền vững; giám sát, cảnh báo, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; bảo đảm an toàn thông tin, phát triển nguồn nhân lực số và thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành nông nghiệp và môi trường.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

Giai đoạn 2026-2027:

- 100% dịch vụ công trực tuyến của Bộ đủ điều kiện cung cấp toàn trình được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và nền tảng số dùng chung của Bộ.

- 100% thông tin, giấy tờ, dữ liệu trong các thủ tục hành chính do Bộ quản lý được khai thác từ nguồn dữ liệu gốc, người dân và doanh nghiệp không phải cung cấp lại.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- 100% hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính được số hóa, lưu trữ và chia sẻ theo tiêu chuẩn dữ liệu của Bộ.

- 80% dữ liệu đã số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính được khai thác, sử dụng lại tự động.

Giai đoạn 2028-2030:

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến của Bộ.

- 50% dịch vụ công thiết yếu (cấp phép, chứng nhận, kiểm dịch, môi trường, đất đai, truy xuất nguồn gốc…) được triển khai ở mức chủ động, trí tuệ nhân tạo hỗ trợ "cá thể hóa" và gợi ý hành động theo vòng đời sự kiện (sản xuất - chế biến - tiêu dùng - môi trường…).

- 100% bộ dữ liệu thuộc Danh mục dữ liệu mở của Bộ đủ điều kiện công bố được cung cấp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và sẵn sàng sử dụng lại trong hệ

sinh thái số; không áp dụng đối với bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi và dữ liệu có quy định riêng về quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

- 100% thủ tục hành chính của Bộ hoạt động trên quy trình điện tử chuẩn hóa, thống nhất.

b) Quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo

Giai đoạn 2026-2027:

- 100% nền tảng số dùng chung của Bộ được triển khai theo kế hoạch và vận hành thống nhất.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử, ứng dụng chữ ký số cá nhân.

- 100% chế độ báo cáo chuyên ngành được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, kết nối với Trung tâm thông tin điều hành của Chính phủ.

- 100% nhiệm vụ lãnh đạo Bộ giao được theo dõi, giám sát trên hệ thống số.

Giai đoạn 2028-2030:

- 100% hệ thống thông tin chuyên ngành nông nghiệp và môi trường được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu dùng chung.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho trí tuệ nhân tạo theo quy định.

- 100% nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% đơn vị thuộc Bộ sử dụng ít nhất 01 ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý trí tuệ nhân tạo công vụ.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường… được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

- 100% đơn vị thuộc Bộ thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% nền tảng số dùng chung quốc gia thuộc phạm vi, đối tượng sử dụng của Bộ được khai thác, sử dụng thống nhất, hiệu quả.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ có hồ sơ điện tử theo quy định.

- 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số.

- 100% cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, dữ liệu và an toàn thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, công nghệ số.

- 100% hệ thống thông tin của Bộ được xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trước khi đưa vào vận hành; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và được kiểm tra, đánh giá định kỳ theo quy định.

- 70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê do Bộ chịu trách nhiệm biên soạn được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính.

2.2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành nông nghiệp và môi trường, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số trong ngành nông nghiệp và môi trường trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và các nền tảng số trong hoạt động sản xuất, quản lý và cung cấp dịch vụ; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của ngành.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất trong ngành tiếp cận, sử dụng nền tảng số, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc, kết nối cung - cầu nông sản trên môi trường số và các giải pháp trí tuệ nhân tạo dùng chung phù hợp nhu cầu, khả năng và quy định của pháp luật.

- Phát triển và khai thác hiệu quả dữ liệu số của ngành nông nghiệp và môi trường; lựa chọn dữ liệu đủ điều kiện để công bố mở, chia sẻ, khai thác, cung cấp trên sàn dữ liệu theo quy định, góp phần phát triển thị trường dữ liệu, phục vụ người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực của ngành, như nông nghiệp thông minh, quản lý tài nguyên và môi trường dựa trên dữ liệu; khuyến khích ứng dụng IoT, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong quản lý sản xuất, giám sát và dự báo; ưu tiên sử dụng sản phẩm, nền tảng, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam" đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu an toàn, an ninh mạng và hiệu quả đầu tư.

- Đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển xã hội số, nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số của người dân và doanh nghiệp; thu hẹp khoảng cách số, thúc đẩy thanh toán số, chữ ký số cá nhân và các dịch vụ số thiết yếu trong đời sống xã hội.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ trong việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành nông nghiệp và môi trường; gắn việc triển khai chuyển đổi số với thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ số và đổi mới phương thức quản lý, điều hành của Bộ.

- Kiện toàn và phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý.

- Đưa các nhiệm vụ chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch công tác hằng

năm của các đơn vị; tăng cường phối hợp giữa các đơn vị trong Bộ trong việc xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung của ngành.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời phát hiện, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; gắn kết quả triển khai chuyển đổi số với công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị và người đứng đầu.

- Ứng dụng các nền tảng số trong theo dõi, quản lý, giám sát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của Bộ, bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ theo Kế hoạch đề ra.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách số

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số và dữ liệu, bảo đảm phù hợp với Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, Luật An ninh mạng, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Ban hành và tổ chức triển khai Khung quản trị và quản lý dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường; áp dụng thống nhất nguyên tắc "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung" trong toàn ngành; làm cơ sở chuẩn hóa, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu.

- Ban hành Danh mục dữ liệu mở của Bộ và hoàn thiện cơ chế quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số, dịch vụ số và đổi mới sáng tạo; rà soát cơ chế về quyền khai thác, định giá, giao dịch, thương mại hóa dữ liệu và chia sẻ lợi ích từ dữ liệu theo quy định của pháp luật; chỉ công bố, chia sẻ, khai thác dữ liệu đủ điều kiện, bảo đảm bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi và dữ liệu có quy định riêng về quản lý, khai thác, sử dụng.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế đầu tư, đặt hàng, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ số theo quy định của pháp luật; ưu tiên sử dụng sản phẩm, nền tảng và dịch vụ "Make in Viet Nam".

- Hoàn thiện các quy định, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá chuyên ngành phục vụ xây dựng, vận hành và duy trì hạ tầng số, nền tảng số, kho dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trong triển khai chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.

- Chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ theo hướng đơn giản hóa, minh bạch hóa và số hóa hoàn toàn, làm cơ sở triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; thực hiện nguyên tắc "người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại dữ liệu đã có", phù hợp yêu cầu cải cách hành chính và phát triển Chính phủ số.

- Rà soát, sửa đổi các cơ chế, chính sách nhằm xóa bỏ rào cản đối với chuyển đổi số; khuyến khích doanh nghiệp tham gia phát triển hạ tầng số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số phục vụ ngành nông nghiệp và môi trường.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý cho mô hình quản trị số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bao gồm quy định về tổ chức vận hành không gian dữ liệu ngành, kiến

trúc số của Bộ, cơ chế ra quyết định dựa trên dữ liệu, cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị thuộc Bộ và với các bộ, ngành, địa phương; bảo đảm tính thống nhất, liên thông và đồng bộ trong toàn hệ thống.

- Ban hành và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các hệ thống số của Bộ, bao gồm phân loại hệ thống thông tin theo cấp độ, cơ chế bảo vệ dữ liệu quan trọng của ngành; triển khai mô hình giám sát an toàn thông tin tập trung, kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Xây dựng văn hóa dữ liệu và cơ chế ra quyết định dựa trên bằng chứng dữ liệu, gắn trách nhiệm quản trị dữ liệu với người đứng đầu, đơn vị quản lý dữ liệu và đội ngũ chuyên môn; áp dụng phương pháp đánh giá nhiệm vụ dựa trên dữ liệu và kết quả định lượng.

3. Hạ tầng số

- Tái cấu trúc hạ tầng số của Bộ theo mô hình điện toán đám mây, ưu tiên sử dụng hạ tầng điện toán đám mây chuyên dùng của Chính phủ; bảo đảm khả năng mở rộng linh hoạt, tối ưu chi phí đầu tư, vận hành và đáp ứng yêu cầu xử lý dữ liệu lớn, phân tích, mô phỏng và trí tuệ nhân tạo.

- Nâng cấp Trung tâm dữ liệu của Bộ, bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về trung tâm dữ liệu; đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn và vận hành liên tục; bảo đảm khả năng kết nối trực tiếp và an toàn với Trung tâm dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin của Bộ, ngành, địa phương.

- Phát triển hạ tầng kết nối, truyền dẫn số chuyên ngành, bảo đảm tốc độ cao, ổn định, sẵn sàng mở rộng; đáp ứng yêu cầu kết nối giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số và hệ thống quan trắc, giám sát thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

- Phát triển hạ tầng thu nhận dữ liệu từ các hệ thống quan trắc, giám sát và thiết bị IoT, bao gồm cảm biến môi trường, hệ thống đo đạc tự động, thiết bị giám sát chuyên ngành; bảo đảm dữ liệu được truyền nhận an toàn, liên tục và tích hợp vào hạ tầng dữ liệu của Bộ.

- Hoàn thiện hạ tầng phục vụ họp trực tuyến, làm việc trực tuyến và tác nghiệp số, bảo đảm kết nối ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số của cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp hạ tầng phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn, ổn định, thân thiện với người dùng và có khả năng đáp ứng lưu lượng truy cập tăng cao; bảo đảm đồng bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia và các hệ thống số dùng chung của Chính phủ.

- Phát triển hạ tầng dự phòng, sao lưu, khôi phục thảm họa đối với các hệ thống thông tin quan trọng của Bộ, bảo đảm khả năng duy trì hoạt động liên tục, an toàn và khôi phục nhanh khi xảy ra sự cố.

- Chuẩn hóa, nâng cấp hạ tầng an toàn thông tin, an ninh mạng, gồm hạ tầng giám sát an toàn thông tin, hệ thống tường lửa, hệ thống chống tấn công mạng, hệ thống quản lý định danh và truy cập; bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ hệ thống

thông tin theo cấp độ.

- Khuyến khích thuê dịch vụ hạ tầng số theo nhu cầu, đặc biệt là dịch vụ trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, đường truyền và các dịch vụ hạ tầng chuyên ngành; bảo đảm giảm chi phí đầu tư ban đầu, nâng cao tính linh hoạt và hiệu quả sử dụng.

4. Nhân lực số

- Nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ, bảo đảm đội ngũ có khả năng sử dụng thành thạo các nền tảng, ứng dụng và hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi số; tổ chức các chương trình đào tạo định kỳ về kỹ năng số cơ bản, kỹ năng sử dụng dữ liệu và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin.

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, dữ liệu và an toàn thông tin, bao gồm quản trị dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, triển khai nền tảng số, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; thường xuyên cập nhật kiến thức, công nghệ số theo yêu cầu nhiệm vụ.

- Phát triển đội ngũ chuyên gia số của Bộ, có năng lực triển khai, hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị trong ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, mô phỏng - dự báo, điện toán đám mây, tự động hóa và bảo mật hệ thống.

- Bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp, bảo đảm khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu, sử dụng hệ thống điều hành thông minh, khai thác báo cáo phân tích, hiểu biết về an toàn thông tin và các mô hình quản trị số trong chỉ đạo điều hành.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu, tổ chức các khóa tập huấn định kỳ, diễn tập ứng cứu sự cố an ninh mạng; phổ cập kỹ năng phòng vệ cơ bản cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

- Bố trí nhân sự chuyên trách hoặc bán chuyên trách về chuyển đổi số tại các đơn vị; hình thành lực lượng nòng cốt hỗ trợ triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số. Thiết lập đầu mối phụ trách dữ liệu tại từng đơn vị và bảo đảm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên trách của Bộ trong triển khai nền tảng số, cơ sở dữ liệu và chia sẻ dữ liệu.

- Tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức quốc tế, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển giao công nghệ, triển khai mô hình đào tạo thực hành, đào tạo tại chỗ và cập nhật xu hướng công nghệ mới phục vụ hoạt động chuyển đổi số của Bộ.

- Khuyến khích học tập suốt đời và tự bồi dưỡng năng lực số, thúc đẩy văn hóa sử dụng dữ liệu và thực hành công nghệ trong toàn Bộ; triển khai các nền tảng học tập số, học liệu mở và chương trình đào tạo trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5. Phát triển dữ liệu số

- Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo nguyên tắc "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung", bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia, các bộ, ngành, địa phương. Năm 2026, tập trung hoàn thành kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ

liệu được giao tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 11/NQ-CP và Nghị quyết số 214/NQ-CP; giai đoạn đến năm 2028 hoàn thiện, chuẩn hóa, tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hình thành nền tảng dữ liệu số thống nhất ngành nông nghiệp và môi trường, tiếp tục triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, bản sao số trên cơ sở dữ liệu ngành.

- Tổ chức số hóa toàn bộ hồ sơ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và hồ sơ chuyên ngành; bảo đảm 100% hồ sơ được số hóa, lưu trữ và khai thác trên môi trường số theo quy định của Chính phủ, phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và truy xuất dữ liệu thuận tiện.

- Số hóa dữ liệu nghiệp vụ, tư liệu chuyên ngành và dữ liệu điều tra cơ bản thuộc phạm vi quản lý của Bộ; chuẩn hóa theo bộ tiêu chuẩn dữ liệu ngành, bảo đảm khả năng tích hợp, kết nối và khai thác trong không gian dữ liệu ngành.

- Tổ chức làm giàu, làm sạch và đồng bộ hóa dữ liệu trong toàn ngành; hoàn thiện cơ chế cập nhật dữ liệu theo thời gian thực đối với dữ liệu quan trắc môi trường, dữ liệu từ hệ thống IoT, cảm biến và các hệ thống giám sát chuyên ngành.

- Phát triển Kho dữ liệu dùng chung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tích hợp dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và dữ liệu thu nhận từ hệ thống IoT; bảo đảm khả năng phân tích, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu cho các đơn vị trong Bộ và các cơ quan ngoài Bộ.

- Tăng cường kết nối và chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia, các bộ, ngành, địa phương và các hệ thống thông tin quốc gia theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP; triển khai chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn thông tin.

- Triển khai hệ thống phân tích dữ liệu lớn, mô phỏng và dự báo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích, cảnh báo sớm, dự báo xu thế sản xuất nông nghiệp, môi trường và biến đổi khí hậu; phục vụ hoạch định chính sách và chỉ đạo điều hành.

- Bảo đảm dữ liệu số được tạo lập trong quá trình tác nghiệp điện tử, giảm tối đa nhập liệu thủ công; chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ để dữ liệu phát sinh tự động trên nền tảng số.

- Rà soát, chuẩn hóa, làm sạch, gắn mã định danh, phân quyền khai thác và kiểm soát chất lượng dữ liệu; chuẩn bị dữ liệu bảo đảm sẵn sàng phục vụ huấn luyện, kiểm thử và vận hành các hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI). Tăng cường khai thác, sử dụng dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê, biên soạn các chỉ tiêu thống kê, hạn chế điều tra trùng lặp. Rà soát, lựa chọn các bộ dữ liệu có giá trị, đủ điều kiện để chia sẻ, khai thác và tham gia sàn dữ liệu theo quy định.

6. An toàn thông tin mạng

- Triển khai đầy đủ mô hình bảo đảm an toàn thông tin bốn lớp; bảo đảm 100% hệ thống thông tin của Bộ, đặc biệt là hệ thống thông tin quan trọng, trọng yếu, được giám sát an toàn thông tin tập trung, liên tục 24/7.

- Đánh giá, phân loại và xác định cấp độ an toàn thông tin đối với toàn bộ hệ thống thông tin của Bộ theo quy định của pháp luật; tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ

sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin; triển khai các biện pháp bảo vệ theo đúng cấp độ được phê duyệt.

- Tăng cường năng lực giám sát an toàn thông tin của Bộ, nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn thông tin của Bộ; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu cảnh báo và phối hợp tác chiến với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia và các lực lượng chuyên trách an toàn thông tin theo quy định của Chính phủ.

- Bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu quan trọng của Bộ và của ngành, tuân thủ quy định của Luật Dữ liệu, Luật An ninh mạng và các văn bản hướng dẫn; triển khai biện pháp quản lý truy cập, phân quyền, giám sát sử dụng dữ liệu; thực hiện mã hóa dữ liệu theo yêu cầu kỹ thuật.

- Triển khai các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý và ứng cứu sự cố an toàn thông tin, bao gồm kiểm tra, đánh giá lỗ hổng bảo mật, quản lý điểm yếu, phát hiện mã độc, kiểm tra an ninh mạng định kỳ; xây dựng phương án ứng cứu sự cố, diễn tập an ninh mạng hằng năm.

- Bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và hệ thống IoT, đặc biệt là hệ thống quan trắc, giám sát tự động và các thiết bị thu thập dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Bộ; thực hiện cấu hình an toàn, giám sát truy cập và bảo vệ đầu cuối.

- Tăng cường an ninh mạng trong môi trường làm việc số, triển khai giải pháp bảo vệ thư điện tử công vụ, bảo vệ thiết bị đầu cuối, giám sát lưu lượng mạng, kiểm soát truy cập từ xa và quản lý định danh số của cán bộ, công chức, viên chức.

- Triển khai đánh giá an ninh mạng đối với các dự án đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, bảo đảm yêu cầu an toàn thông tin được tích hợp xuyên suốt từ khâu thiết kế, xây dựng đến vận hành; tuân thủ yêu cầu tỷ lệ tối thiểu kinh phí dành cho bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật; phổ cập kỹ năng phòng vệ cơ bản cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng văn hóa bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin trong toàn ngành.

7. Phát triển Chính phủ số trong ngành nông nghiệp và môi trường

- Hoàn thiện và vận hành các nền tảng số dùng chung của Bộ, bao gồm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; nền tảng định danh và xác thực điện tử; nền tảng quản lý văn bản và điều hành; nền tảng số hóa và tự động hóa quy trình nghiệp vụ; nền tảng dịch vụ công trực tuyến; nền tảng thanh toán trực tuyến; nền tảng họp và làm việc trực tuyến; bảo đảm đồng bộ, thống nhất và liên thông với các nền tảng số quốc gia.

- Phát triển và hoàn thiện các ứng dụng phục vụ quản lý, chỉ đạo điều hành của Bộ, gồm ứng dụng hỗ trợ tác nghiệp, giám sát thực thi, theo dõi tiến độ nhiệm vụ, báo cáo số và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu; bảo đảm tích hợp vào hệ thống điều hành tập trung của Bộ.

- Hoàn thiện, cập nhật, kết nối và khai thác hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định, bảo đảm đồng bộ với các hệ thống thông tin có liên quan.

- Phát triển nền tảng dữ liệu không gian (GIS) của Bộ, tích hợp dữ liệu bản đồ, dữ liệu địa lý, dữ liệu quan trắc và các dữ liệu chuyên ngành; phục vụ phân tích, mô phỏng, giám sát và dự báo trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

- Triển khai nền tảng truy xuất nguồn gốc và minh bạch hóa thông tin chuỗi giá trị, hỗ trợ quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, giám sát thị trường và phục vụ xuất khẩu; bảo đảm liên thông với hệ thống quốc gia theo quy định.

- Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng các nền tảng trí tuệ nhân tạo dùng chung và trí tuệ nhân tạo chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

- Phát triển nền tảng phục vụ thu nhận, quản lý và tích hợp dữ liệu từ hệ thống quan trắc, giám sát và các thiết bị IoT; bảo đảm dữ liệu được truyền nhận an toàn và kết nối thống nhất với kho dữ liệu dùng chung của Bộ.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính, tự động điền biểu mẫu, hỗ trợ xử lý các hồ sơ đơn giản, từng bước phát triển dịch vụ công trực tuyến theo hướng tự động, chủ động và cá thể hóa.

- Phát triển nền tảng giám sát và điều hành thông minh của Bộ, cung cấp thông tin thời gian thực về hoạt động của hệ thống thông tin, chất lượng dịch vụ công, tiến độ thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ lãnh đạo Bộ điều hành dựa trên dữ liệu.

- Bảo đảm các nền tảng và ứng dụng số của Bộ tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ số quốc gia và Khung kiến trúc số của Bộ, ưu tiên công nghệ mở, khả năng mở rộng linh hoạt, kết nối tiêu chuẩn hóa và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Tăng cường thuê dịch vụ nền tảng và ứng dụng số, ưu tiên các dịch vụ đạt chuẩn an toàn thông tin, nhằm tối ưu chi phí đầu tư, rút ngắn thời gian triển khai và nâng cao tính linh hoạt, hiệu quả trong vận hành.

8. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành nông nghiệp và môi trường

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động sản xuất, quản lý và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển các nền tảng số phục vụ quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng, kết nối cung - cầu và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất ứng dụng thương mại điện tử, nền tảng quản trị số và các công nghệ số mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

- Phát triển hệ sinh thái số trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; thúc đẩy hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghệ số cung cấp sản phẩm, dịch vụ số phục vụ ngành nông nghiệp và môi trường. Tăng cường ứng dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật trong quản lý, giám sát, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong các lĩnh vực của ngành.

- Đẩy mạnh phát triển và khai thác dữ liệu số của ngành nông nghiệp và môi trường; từng bước xây dựng, công bố các bộ dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khai thác, sử dụng, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển các sản phẩm, dịch vụ số.

- Thúc đẩy phát triển xã hội số trong ngành nông nghiệp và môi trường; nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp, đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; góp phần thu hẹp khoảng cách số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa của chuyển đổi số đối với cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp và môi trường; thúc đẩy thay đổi tư duy, phương thức làm việc theo hướng ứng dụng công nghệ số.

- Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử và các nền tảng số; phổ biến các mô hình, kinh nghiệm tốt trong triển khai chuyển đổi số của ngành.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức về bảo đảm an toàn thông tin trên môi trường mạng trong quá trình sử dụng các hệ thống thông tin và dịch vụ số.

- Phối hợp triển khai chương trình "Bình dân học vụ số", phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người dân, ưu tiên các nhóm đối tượng, khu vực thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp và môi trường.

10. Tăng cường hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, các quốc gia có nền tảng công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực chuyển đổi số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin, nông nghiệp số và môi trường số; tiếp nhận kinh nghiệm, mô hình quản trị và giải pháp công nghệ hiện đại phục vụ triển khai Chính phủ số ngành.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế và các tổ chức phát triển nhằm huy động nguồn lực kỹ thuật, tài chính và chuyên gia phục vụ các nhiệm vụ chuyển đổi số, dữ liệu số và quản trị thông minh của Bộ.

- Đẩy mạnh trao đổi đoàn, hội thảo, tập huấn quốc tế về chuyển đổi số và dữ liệu, nhằm cập nhật xu hướng phát triển công nghệ, chuẩn quốc tế và phương pháp quản trị hiện đại; nâng cao năng lực hội nhập và triển khai chuyển đổi số toàn diện trong ngành nông nghiệp và môi trường.

11. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Bảo đảm bố trí đầy đủ và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí cho chuyển đổi số, dữ liệu số và phát triển Chính phủ số của Bộ; ưu tiên cho các nhiệm vụ nền tảng, cơ sở dữ liệu quan trọng, kho dữ liệu dùng chung, nền tảng số dùng chung và an toàn thông tin. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp và đẩy mạnh thuê dịch vụ công nghệ số nhằm giảm chi phí đầu tư ban đầu, nâng cao hiệu quả triển khai và đáp ứng yêu cầu mở rộng theo nhu cầu thực tiễn.

- Tăng cường xã hội hóa, hợp tác công - tư và hợp tác với các đối tác phát triển

để bổ sung nguồn lực kỹ thuật, tài chính và công nghệ phục vụ chuyển đổi số và dữ liệu số. Bảo đảm kinh phí cho công tác an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và hệ thống giám sát; đồng thời thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá việc sử dụng kinh phí, bảo đảm công khai, minh bạch và tránh trùng lặp trong đầu tư.

- Việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số được gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách hằng năm và các chương trình, đề án có liên quan; bảo đảm tập trung nguồn lực, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc tổ chức, theo dõi thực hiện Kế hoạch

- Việc điều hành, theo dõi thực hiện Kế hoạch được thực hiện theo phương châm "6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền"; đề cao trách nhiệm giải trình và phối hợp chặt chẽ trong giải quyết khó khăn, vướng mắc, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên cơ sở phân công rõ trách nhiệm, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị liên quan, bảo đảm đồng bộ và liên thông trong toàn hệ thống. Thực hiện theo phương châm làm thực chất, làm đến nơi đến chốn; kiên trì trong mục tiêu nhưng quyết liệt trong hành động. Lấy kết quả phục vụ làm trung tâm; lấy dữ liệu làm nền tảng; lấy hiệu quả cải cách hành chính là "đầu ra" để kiểm tra, giám sát và đánh giá.

- Bảo đảm theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường số việc thực hiện các nhiệm vụ; thống nhất đầu mối, biểu mẫu, thời điểm báo cáo và chỉ tiêu theo dõi, đánh giá, đặc biệt đối với nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và Đề án 06.

- Hằng năm, căn cứ Kế hoạch này, các đơn vị rà soát, xác định các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện; làm rõ sản phẩm đầu ra, tiến độ, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, nguồn lực thực hiện và chỉ tiêu theo dõi, đánh giá kết quả, gửi Cục Chuyển đổi số tổng hợp, theo dõi.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ

- Thủ trưởng đơn vị trực tiếp chỉ đạo triển khai chuyển đổi số, an toàn thông tin và bảo đảm an ninh mạng trong phạm vi quản lý; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và hiệu quả nhiệm vụ được giao.

- Bố trí và phân công nhân lực phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; gắn kết chuyển đổi số với cải cách hành chính và hiện đại hóa hoạt động của đơn vị.

- Đơn vị đang quản lý, lưu trữ hồ sơ chịu trách nhiệm tổ chức số hóa theo phân cấp; đơn vị quản lý dữ liệu chuyên ngành hướng dẫn tiêu chuẩn, kiểm tra chất lượng, tiếp nhận, cập nhật, kết nối và tích hợp dữ liệu vào kho dữ liệu dùng chung của Bộ theo quy định.

- Phối hợp với Cục Chuyển đổi số trong xây dựng danh mục dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu và yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và

dữ liệu quan trọng; phối hợp giám sát, cảnh báo và xử lý sự cố an ninh mạng.

- Thực hiện thu thập dữ liệu số tại nguồn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ số trong hoạt động chuyên môn.

- Báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ; gửi Cục Chuyển đổi số để tổng hợp.

3. Văn phòng Bộ

- Chủ trì về nghiệp vụ trong cải tiến, chuẩn hóa và triển khai quy trình hành chính nội bộ, chỉ đạo, điều hành, tổng hợp báo cáo trên môi trường số; phối hợp với Cục Chuyển đổi số hoàn thiện nền tảng, giải pháp kỹ thuật phục vụ quản trị nội bộ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo, bảo đảm tránh đầu tư trùng lặp.

- Chủ trì thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử Bộ; phối hợp với các cơ quan báo chí và đơn vị liên quan phổ biến chủ trương, kết quả, mô hình, kinh nghiệm chuyển đổi số của ngành.

4. Vụ Tổ chức cán bộ

- Nghiên cứu lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số của Bộ vào Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của Bộ và tiêu chí đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính đối với các đơn vị trực thuộc Bộ theo quy định.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng dữ liệu và kỹ năng sử dụng nền tảng trợ lý trí tuệ nhân tạo công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức; phối hợp với Cục Chuyển đổi số tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác chuyển đổi số, dữ liệu và an toàn thông tin theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc sắp xếp tổ chức và nhân lực phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số của Bộ.

5. Vụ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan lồng ghép nội dung chuyển đổi số, dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ.

- Hướng dẫn, thúc đẩy việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ xây dựng, phát triển các nền tảng số, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và mô hình quản lý thông minh của ngành nông nghiệp và môi trường.

- Chủ trì tham mưu, trình phê duyệt, tổng hợp và báo cáo đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn chi thường xuyên cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ và quy định; phối hợp đề xuất, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số, Chính phủ số và phát triển dữ liệu ngành.

6. Vụ Pháp chế

- Chủ trì tham mưu về pháp lý; phối hợp với Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý cho chuyển đổi số, dữ liệu số, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu trong phạm vi quản lý của Bộ.

- Thực hiện thẩm định văn bản quy phạm pháp luật về chuyển đổi số, dữ liệu, an toàn thông tin và các nội dung có liên quan theo Quy chế công tác pháp chế của Bộ và quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về chuyển đổi số, dữ liệu và an toàn thông tin, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

7. Vụ Hợp tác quốc tế

- Chủ trì, phối hợp với Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan trong việc mở rộng, thúc đẩy hợp tác quốc tế về chuyển đổi số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin.

- Tham mưu lồng ghép các nội dung chuyển đổi số, dữ liệu số trong các chương trình, dự án, thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương của Bộ; huy động nguồn lực, kinh nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật từ các đối tác quốc tế phục vụ triển khai Kế hoạch.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động trao đổi, hội thảo, đào tạo, chuyển giao công nghệ và chia sẻ kinh nghiệm quốc tế nhằm nâng cao năng lực chuyển đổi số cho các đơn vị thuộc Bộ.

8. Vụ Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch; ưu tiên các nhiệm vụ nền tảng, dữ liệu quan trọng, an toàn thông tin và nhiệm vụ cấp bách.

- Chủ trì thẩm định, trình phê duyệt các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo phân công của Lãnh đạo Bộ và quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn các đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chuyển đổi số; bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả.

9. Cục Chuyển đổi số

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và đánh giá việc triển khai Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trong toàn Bộ; bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ và yêu cầu.

- Chủ trì tham mưu kỹ thuật; xây dựng, vận hành và phát triển các nền tảng số dùng chung, hạ tầng số dùng chung, kho dữ liệu dùng chung và hệ thống kết nối - chia sẻ dữ liệu của Bộ; bảo đảm kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin dùng chung của Chính phủ.

- Hướng dẫn hoặc thẩm định tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật và yêu cầu chuyên môn đối với dữ liệu số, hạ tầng số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và an toàn thông tin.

- Chủ trì giám sát an toàn thông tin, cảnh báo và ứng cứu sự cố; bảo đảm hoạt

động ổn định, thông suốt và an toàn của hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; tham gia thẩm định kỹ thuật, kiểm tra và nghiệm thu các dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; đơn vị chủ quản hệ thống thông tin chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề xuất cấp độ và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ theo quy định.

- Chủ trì xây dựng nội dung, chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, dữ liệu, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo; phối hợp đào tạo kỹ năng sử dụng các nền tảng số dùng chung của Bộ.

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính theo dõi, tổng hợp, đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung Kế hoạch; định kỳ báo cáo Bộ trưởng và các cơ quan có thẩm quyền.

10. Chế độ báo cáo

- Các đơn vị trực thuộc Bộ phối hợp chặt chẽ với Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp, chồng chéo.

- Cục Chuyển đổi số là đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ.

- Các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm và báo cáo đột xuất về tình hình triển khai Kế hoạch theo biểu mẫu, thời điểm và hướng dẫn của Cục Chuyển đổi số.

- Việc theo dõi, giám sát, tổng hợp và báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch được ưu tiên thực hiện trên môi trường số, thông qua các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ.

- Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch, các đơn vị kịp thời phản ánh về Cục Chuyển đổi số để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các nhiệm vụ, dự án trọng tâm thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 2030 tại Phụ lục kèm theo./.

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Số TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả, chỉ tiêu theo dõi	Thời gian	Nguồn lực thực hiện
1	Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành Kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu đối với từng lĩnh vực chuyên ngành theo quy định.	Cục quản lý chuyên ngành hoặc đơn vị được giao quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (đối với từng lĩnh vực)	Cục Chuyển đổi số; các đơn vị liên quan	Kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu của từng lĩnh vực được Bộ trưởng ban hành hoặc phê duyệt theo thẩm quyền.	2026-2027	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
2	Rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách về chuyển đổi số, dữ liệu và an toàn thông tin.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Hoàn thiện hệ thống thể chế, quy định kỹ thuật.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
3	Xây dựng/cập nhật Khung kiến trúc số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phù hợp Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Khung kiến trúc số được duy trì, cập nhật.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Số TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả, chỉ tiêu theo dõi	Thời gian	Nguồn lực thực hiện
4	Xây dựng, cập nhật Danh mục dữ liệu mở và cơ chế chia sẻ, khai thác dữ liệu của Bộ; rà soát, lựa chọn các bộ dữ liệu có giá trị, đủ điều kiện để chia sẻ, khai thác và tham gia sàn dữ liệu theo quy định.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Danh mục dữ liệu mở được ban hành, cập nhật; các bộ dữ liệu đủ điều kiện được xác định, chia sẻ, khai thác theo quy định.	2026-2027	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
5	Hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình, quy định phục vụ chuyển đổi số	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Bộ định mức, quy trình chuẩn hóa	2026-2028	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
6	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường, kết nối, liên thông với các bộ, ngành và địa phương.					
6.1	Hoàn thành kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm của Bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 11/NQ-CP và Nghị quyết số 214/NQ-CP.	Cục Chuyển đổi số chủ trì về kết nối, đồng bộ và yêu cầu kỹ thuật; các đơn vị quản lý dữ liệu lĩnh vực chuyên ngành chủ trì chuẩn bị, hoàn thiện và cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các cơ quan nông nghiệp và môi trường ở địa phương	Các cơ sở dữ liệu trọng điểm được kết nối, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia theo kế hoạch và yêu cầu kỹ thuật.	2026	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Số TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả, chỉ tiêu theo dõi	Thời gian	Nguồn lực thực hiện
6.2	Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hóa, làm sạch, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; gắn mã định danh theo quy định, phân quyền khai thác, kiểm soát chất lượng dữ liệu và chuẩn bị dữ liệu sẵn sàng phục vụ khai thác, huấn luyện, kiểm thử và vận hành các hệ thống trí tuệ nhân tạo; xây dựng kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu số thống nhất ngành nông nghiệp và môi trường, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Cục Chuyển đổi số chủ trì xây dựng kho dữ liệu dùng chung, nền tảng dữ liệu số thống nhất và thực hiện tích hợp kỹ thuật; các đơn vị quản lý dữ liệu lĩnh vực chuyên ngành chủ trì chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật và kiểm soát chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các cơ quan nông nghiệp và môi trường ở địa phương	Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được hoàn thiện, chuẩn hóa, tích hợp; hình thành kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu số thống nhất ngành, kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
6.3	Tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Cục Quản lý đất đai	Cục Chuyển đổi số; Bộ Công an; các địa phương và các đơn vị có liên quan	Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	2026	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
7	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng số và nền tảng số dùng chung của Bộ; bảo đảm năng lực tính toán, lưu trữ, kết nối, khai thác dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Hạ tầng số, nền tảng số dùng chung và hệ thống bảo đảm an toàn thông tin được nâng cấp, hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu khai thác dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Số TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả, chỉ tiêu theo dõi	Thời gian	Nguồn lực thực hiện
8	Hiện đại hóa hệ thống thông tin dữ liệu và chuyển đổi số ngành khí tượng thủy văn.	Cục Khí tượng Thủy văn	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin được xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
9	Thiết lập và duy trì vận hành hệ thống thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét thời gian thực.	Cục Khí tượng Thủy văn	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Hệ thống thông tin được thiết lập và duy trì vận hành	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh hàng không và xây dựng cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia.	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Cơ sở dữ liệu được xây dựng, cập nhật	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
11	Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, mô hình số để hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân bổ nguồn nước và theo dõi, giám sát việc phối hợp vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực trên các lưu vực sông lớn của Việt Nam.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các cơ quan nông nghiệp và môi trường ở địa phương.	Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin được xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
12	Số hóa hồ sơ, tài liệu, dữ liệu chuyên ngành và dữ liệu các nhiệm vụ, dự án	Đơn vị đang quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu	Đơn vị quản lý dữ liệu chuyên ngành; Cục Chuyển đổi số	Hồ sơ, tài liệu, dữ liệu được số hóa, chuẩn hóa, kiểm tra chất lượng, tiếp nhận và tích hợp theo quy định.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Số TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả, chỉ tiêu theo dõi	Thời gian	Nguồn lực thực hiện
13	Triển khai Đề án ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong ngành nông nghiệp và môi trường	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ; cơ quan nông nghiệp và môi trường ở địa phương	Hạ tầng, nền tảng, ứng dụng Internet vạn vật được triển khai.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
14	Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cục Chuyển đổi số	Vụ Khoa học và Công nghệ; các đơn vị trực thuộc Bộ; cơ quan nông nghiệp và môi trường ở địa phương	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng	2026-2029	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
15	Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành, địa phương	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị quản lý dữ liệu chuyên ngành; các bộ, ngành, địa phương	Hệ thống chia sẻ dữ liệu thông suốt	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
16	Triển khai nền tảng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tăng cường khai thác, tái sử dụng dữ liệu để đơn giản hóa thành phần hồ sơ, hạn chế yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ cung cấp dịch vụ công trực tuyến chủ động, cá thể hóa và tự động.	Cục Chuyển đổi số	Văn phòng Bộ; các đơn vị trực thuộc Bộ; cơ quan nông nghiệp và môi trường ở địa phương	100% dịch vụ công trực tuyến của Bộ đủ điều kiện cung cấp toàn trình được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và nền tảng số dùng chung của Bộ; tăng cường tái sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ công.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Số TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả, chỉ tiêu theo dõi	Thời gian	Nguồn lực thực hiện
17	Tăng cường giám sát an ninh mạng theo mô hình 4 lớp.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị chủ quản hệ thống thông tin; các đơn vị liên quan	Hoạt động giám sát an ninh mạng theo mô hình 4 lớp được duy trì 24/7.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
18	Phân loại, xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin; xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và tổ chức triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ theo quy định.	Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin (đối với từng hệ thống)	Cục Chuyển đổi số hướng dẫn, kiểm tra; các đơn vị liên quan phối hợp	100% hệ thống thông tin được xác định, phê duyệt cấp độ và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ theo quy định.	2026-2027	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
19	Ứng cứu sự cố, quản lý điểm yếu, lỗ hổng và rủi ro an ninh mạng.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị chủ quản hệ thống thông tin; các đơn vị liên quan	Quy trình ứng cứu sự cố được duy trì; điểm yếu, lỗ hổng và rủi ro an ninh mạng được theo dõi, xử lý theo quy định.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
20	Hoàn thiện hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.	Vụ Tổ chức cán bộ	Cục Chuyển đổi số phối hợp kỹ thuật; các đơn vị trực thuộc Bộ	100% cán bộ, công chức, viên chức có hồ sơ điện tử theo quy định; dữ liệu được kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Số TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả, chỉ tiêu theo dõi	Thời gian	Nguồn lực thực hiện
21	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng dữ liệu và kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, dữ liệu và an ninh mạng.	Vụ Tổ chức cán bộ	Cục Chuyển đổi số chủ trì nội dung, chương trình và đào tạo chuyên sâu; các đơn vị liên quan	Đến năm 2030, 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số; đội ngũ chuyên trách được đào tạo chuyên sâu phù hợp vị trí việc làm.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
22	Tăng cường hợp tác quốc tế về chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng và các công nghệ số chiến lược; thúc đẩy trao đổi kinh nghiệm, đào tạo nhân lực, chuyển giao, tiếp nhận và từng bước làm chủ công nghệ phục vụ chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.	Vụ Hợp tác quốc tế	Cục Chuyển đổi số, các đơn vị liên quan	Các chương trình, hoạt động hợp tác quốc tế về chuyển đổi số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và công nghệ số được triển khai.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.
23	Rà soát, khai thác, sử dụng dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê; từng bước tăng tỷ lệ chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính, hạn chế điều tra trùng lặp.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị thuộc Bộ cung cấp, khai thác dữ liệu hành chính theo chức năng, nhiệm vụ	Đến năm 2030, 70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính; hạn chế điều tra trùng lặp.	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.